TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:109/2019/DS-PT
Ngày: 28 -5-2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng góp họ(hụi)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**

Ông **Nguyễn Văn Trường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - **T**hư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Ngọc Bích** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLPT-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc: tranh chấp hợp đồng góp họ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST, ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2019/QĐ-PT, ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: C. T. L, sinh năm 1962 (tự T. B)

Người đại diện hợp pháp của ông L là bà Ph. Th. K. C, sinh năm 1961 làm đại diện (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ph. A, xã Ph. Th., huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1/ N. V. Đ, sinh năm 1964 (có mặt)

2.2/ Đ. K. T, sinh năm 1964

Người đại diện hợp pháp của bà T là ông Ng. V. Đ, sinh năm 1964 làm đại diện (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ph. Đ, xã S. Ph, huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ L. Th. K. H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

3.2/ L. V. L1, sinh năm 1981

Ông L1 ủy quyền cho bà L. Th. K. H1, sinh năm 1981 làm đại diện (vắng mặt)

3.3/ C. H. Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.4/ Ph. Th. K. C, sinh năm 1961 (có mặt)

3.5/ Ph. H. Th (02 Đía), sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ph. A, xã Ph. Th., huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long.

3.6/ L. Th. H. V, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.7/ L. Th. T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

3.8/ Tr. V. L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

3.9/ Tr. H. Ph, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3.10/ Tr. V. Th (3 thổ), sinh năm 1950 (vắng mặt)

3.11/ Tr. Th. T (Hồng 9 Lê), sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.12/ Tr. Th. H, sinh năm 1969 (vắng mặt)

3.13/ Tr. Th. Th (9 Lê), sinh năm 1981 (vắng mặt)

3.14/ Tr. Th. T. Nh, sinh năm 1964 (vắng mặt)

3.15/ Ph. V. B (Bé Anh), sinh năm 1959 (vắng mặt)

3.16/ Th. V. L (Bé Tư Bờ Dừa), sinh năm 1965 (vắng mặt)

3.17/ V. V. H (6 Riềng), sinh năm 1960 (vắng mặt)

3.18/ V. Th. H (Hồng Sơn), sinh năm 1978 (vắng mặt)

3.19/ Ng. V. Th (Chành), sinh năm 1984 (vắng mặt)

3.20/ Ng. V. L (Châu 3 Tẩu), sinh năm 1973 (vắng mặt)

3.21/ Ng. V. H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

3.22/ Ng. V. Th (Thanh 8 Son), sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.23/ Ng. Q. H (Phúc Gà), sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.24/ Ng. D. H (Tuyết), sinh năm 1985 (vắng mặt)

3.25/ Ng. H. H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.26/ Ng. V. H (Hùng 3 Nhỏ), sinh năm 1959 (vắng mặt)

3.27/ Ng. Th. B (Bình 6 Nhi), sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.28/ Ng. Th. L (Út Lời), sinh năm 1963 (vắng mặt)

3.29/ Ng. Th. H (2 Phèn), sinh năm 1950 (vắng mặt)

3.30/ Ng. Th. C. H (Hồng 5 Lăng), sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.31/ Ng. V. L (4 Liễu), sinh năm 1952 (vắng mặt)

3.32/ Ng. Th. Ph, sinh năm 1964 (1965) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ph. Đ, xã S. Ph, huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long

3.33/ C. Qu. M (10 Minh), sinh năm 1957 (vắng mặt)

3.34/ L. Th. T (7 Lạc), sinh năm 1968 (vắng mặt)

3.35/ Tr. Th. Tr, sinh năm 1967 (vắng mặt)

3.36/ Ng. M. H (Hùng 2 Thành), sinh năm 1973 (vắng mặt)

3.37/ Ng. V. S (Suể), sinh năm 1960 (vắng mặt)

3.38/ Ng. Th. M. H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.39/ Ng. Th. T (Sốm), sinh năm 1949 (vắng mặt)

3.40/ Ng. Th. Ch (Chín Quá), sinh năm 1964 (vắng mặt)

3.41/ Ng. V. Kh (Bé Sáu), sinh năm 1969 (1968) (vắng mặt)

3.42/ Ng. V. X (3 Sài), sinh năm 1963 (vắng mặt)

3.43/ Ng. V. L (Diện), sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.44/ Ph. Th. Th (Thúy Ba Thơ), sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ph. A, xã Ph. Th., huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long.

3.45/ Ng. V. T (4 Gòm), sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph. Ngh, xã T. Ph, huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long

3.46/ Ph. V. B, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph. Tr, xã S. Ph, huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là ông C. T. L có bà Ph. Th. K. C làm đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Trước đây ông L có tham gia tổng cộng 04 dây hụi do ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T làm đầu thảo, cụ thể như sau:

1/ Dây số 3 (dây hụi 3.000.000 đồng): Vào ngày 06/10/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 12 phần, mỗi một phần hụi là 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 1.200.000^{đ} (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Hụi khui đến lần thứ 09 thì ông L kêu hốt 870.000^{đ}, sau khi trừ hoa hồng đầu thảo thì số tiền ông L còn phải nhận là 29.190.000^{đ} (Hai mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng). Số tiền hốt

hụi 29.190.000đ (Hai mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) thì ông Đ và bà T đến nay vẫn chưa giao cho ông L. Khi đóng tiền hụi sống thì hai bên không có làm biên nhận, không ai chứng kiến nhưng khi đóng tiền hụi chết và khi hốt hụi thì có làm biên nhận.

Nay ông L yêu cầu ông Đ, bà T có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi là 29.190.000đ (Hai mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) trừ đi số tiền 03 lần hụi chết mà ông nợ lại ông Đ, bà T. Như vậy ông Đ, bà T còn nợ lại dây hụi này của ông L số tiền là 20.190.000đ (Hai mươi triệu một trăm chín chục ngàn đồng).

2/ Dây số 2 (dây hụi 3.000.000 đồng): Vào ngày 06/10/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 12 phần, mỗi một phần hụi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Ông L đóng hụi sống được 08 lần thì đến lần thứ 09 vào tháng 6/2014 âl thì ông Đ, bà T không có gom hụi. Hiện nay ông Đ, bà T còn nợ lại số tiền hụi của dây này đối với ông Lợi là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng). Khi đóng tiền hụi sống thì hai bên không có làm biên nhận, không ai chứng kiến nhưng khi đóng tiền hụi chết và khi hốt hụi thì có làm biên nhận.

3/ Dây số 5 (dây hụi 1.000.000 đồng) : Vào ngày 20/02/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 18 phần, mỗi một phần hụi là 1.000.000đ (Một triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng). Ông L đóng hụi sống được 10 lần thì đến lần thứ 11 vào tháng 6/2014 âl thì ông Đ, bà Tn không có gom hụi. Hiện nay ông Đ, bà T còn nợ lại số tiền hụi của dây này đối với ông L là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi đóng tiền hụi sống thì hai bên không có làm biên nhận, không ai chứng kiến nhưng khi đóng tiền hụi chết và khi hốt hụi thì có làm biên nhận.

4/ Dây số 2 (dây hụi 2.000.000 đồng): Vào ngày 25/6/2010 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 15 phần, mỗi một phần hụi là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng). Ông L đóng hụi sống được 02 lần thì ông Lnhường lại phần hụi này cho chị L. Th. K. H, sinh năm 1981, trú tại: ấp Ph. A, xã Ph. Th, huyện T. B, tỉnh Vĩnh Long. Khi ông L nhường phần hụi này cho chị H thì hai bên không có làm giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng với nhau nhưng có ông Đ, bà T biết được nội dung này. Ông L nhường phần hụi này cho chị H với số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Hụi khui đến lần thứ 03 vào ngày 25/02/2011 âl thì chị H kêu hốt hụi nhưng không biết số tiền hốt hụi là bao nhiêu nhưng khi hốt hụi thì do bà C ký tên để chị H được hốt hụi. Ông L thừa nhận dây hụi số 2 ngày 25/6/2010 âl (dây hụi 2.000.000 đồng) là thuộc trách nhiệm của ông L. Sau khi chị H hốt hụi thì ông L đã đóng hụi chết được 09 lần còn nợ 03 lần với số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) chưa đóng hụi chết cho ông Đ,

bà T. Ông L trình bày thêm là khi đã đóng hụi chết cho ông Đ, bà T được 09 lần hụi chết và còn lại 03 lần hụi chết thì ông Đ có xác nhận vào tờ danh sách hụi.

Nay ông L yêu cầu ông Đ, bà T có trách nhiệm trả lại tổng số tiền nợ hụi là (20.190.000 đồng + 24.000.000 đồng + 10.000.000 đồng) – 6.000.000 đồng = 48.190.000đ (Bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

- ***Bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T có ông Ng. V. Đ làm đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Trước đây ông Đ, bà T có tổ chức tổng cộng là 04 dây hụi có ông L là hụi viên.

1/ Dây số 3 (dây hụi 3.000.000 đồng): Vào ngày 06/10/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 12 phần, mỗi một phần hụi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Hụi khui đến lần thứ 08 thì ông L kêu hốt 870.000đ, sau khi trừ hòa hồng đầu thảo thì ông L thực hốt số tiền là 28.320.000đ (Hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) nhưng phía bên ông Đ, bà T không cho ông L hốt hụi do phía bên ông L thiếu hụi chết chưa đóng tại dây số 2 là 2.000.000đ (mở hụi ngày 25/6/2010 âl) và dây số 2 là 3.000.000đ (mở hụi ngày 06/10/2011). Trong dây hụi này thì phía ông L thực đóng số tiền hụi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Khi hụi viên đóng hụi sống và hụi chết cho ông Đ, bà T thì ông Đ, bà T có ký biên nhận và giao lại cho hụi viên còn chủ hụi là ông Đ, bà T thì tự ghi vào trong sổ hụi. Hiện dây hụi này ông Đ và bà T còn nợ lại ông L số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2/ Dây số 2 (dây hụi 3.000.000 đồng): Vào ngày 06/10/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 12 phần, mỗi một phần hụi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông L tham gia 02 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

- Ông L đóng được 07 lần hụi sống vào tháng 10/2013 âl với số tiền thực đóng là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Đến nay ông Đ và bà T vẫn chưa giao số tiền này cho ông L. Hụi khui đến lần thứ 8 thì ông Đ, bà T không có gom hụi của ông L vì ông L vẫn còn hụi chết chưa đóng cho ông Đ, bà T.

- Hụi khui lần đầu vào ngày 06/10/2011 âl thì ông L kêu hụi hốt với số tiền là 1.400.000đ, sau khi trừ hoa hồng đầu thảo thì ông L hốt được số tiền là 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Khi giao số tiền hốt hụi cho ông L thì ông L có ký nhận vào giấy hụi. Sau đó ông L có đóng được 02 lần hụi chết vào lần thứ 06 ngày 06/6/2013 âl và lần thứ 07 ngày 06/10/2013 âl, hiện nay ông L còn nợ lại 09 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Như vậy trong dây hụi này phía ông L còn nợ lại phía ông Đ và bà T số tiền là 27.000.000 đồng – 14.000.000 đồng = 13.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

3/ Dây số 5 (dây hụi 1.000.000 đồng): Vào ngày 20/02/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà Tlàm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 18 phần, mỗi một phần hụi là 1.000.000đ (Một triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng).

Ông L đóng được 09 lần hụi sống đến tháng 10/2013 âl với số tiền thực đóng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Đến nay ông Đ và bà T vẫn chưa giao số tiền này cho ông L. Hụi khui đến lần thứ 10 thì ông Đ, bà T không có gom hụi của ông L vì ông L vẫn còn hụi chết chưa đóng cho ông Đ, bà T.

Hiện dây hụi này ông Đ và bà T còn nợ lại ông L số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

4/ Dây số 2 (dây hụi 2.000.000 đồng): Vào ngày 25/6/2010 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 15 phần, mỗi một phần hụi là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ông L tham gia 01 phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng).

Hụi khui lần thứ ba vào ngày 15/02/2011 âl thì ông L kêu hụi hốt với số tiền là 900.000đ, sau khi trừ hoa hồng đầu thảo thì ông L hốt được số tiền là 17.080.000đ (Mười bảy triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Khi giao số tiền hốt hụi cho ông L thì bà C (vợ ông L) có ký nhận vào giấy hụi. Sau đó ông L có đóng được 02 lần hụi chết vào lần thứ 10 ngày 25/6/2013 âl và lần thứ 11 ngày 25/10/2013 âl, hiện nay ông L còn nợ lại 10 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hiện dây hụi này, ông L có bà C làm đại diện theo ủy quyền còn nợ lại ông Đ, bà T với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Như vậy tổng công 04 dây hụi trên thì ông Lợi còn nợ lại ông Đ, bà T số tiền là (13.000.000 đồng + 20.000.000 đồng) – (15.000.000 đồng + 5.000.000 đồng) = 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày***: Trước đây có tham gia chơi hụi với ông Đ, bà T làm đầu thảo. Tuy nhiên do dây hụi lâu quá nên không nhớ rõ. Việc tranh chấp hụi giữa ông L với ông Đ, bà T thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không biết. Ngoài ra có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản án sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST, ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Tuyên xử:

Căn cứ Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông C. T. L có bà Ph.Th. K. C. làm đại diện theo ủy quyền. Buộc phía ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T có ông Ng. V. Đ làm đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi cho phía ông L có bà C làm đại diện theo ủy quyền với số tiền là 16.320.000đ (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T có ông Ng. V. Đ làm đại diện theo ủy quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

- Vào ngày 12 tháng 02 năm 2019 bị đơn ông Ng. V. Đ và Đ. K. T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: không đồng ý trả lại số tiền 16.320.000 đồng cho phía ông C. T. L, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông L, bà C phải trả lại cho ông Đ, bà T số tiền 13.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền 16.320.000 đồng cho ông L. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết buộc ông L, bà C trả lại cho ông và bà T số tiền 13.000.000 đồng.

- Nguyên đơn ông C. T. L do bà C làm đại diện trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn. Từ khi khởi kiện đến nay thì phía nguyên đơn vẫn yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền nợ hụi là 48.190.000 đồng nhưng khi Tòa sơ thẩm xét xử do không hiểu pháp luật nên không có kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nêu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T không đồng ý trả lại số tiền 16.320.000 đồng cho phía ông C. T. L, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông L, bà C phải trả lại cho ông Đ, bà T số tiền 13.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ:

- [2.1] Trong dây số 3, dây hụi 3.000.000 đồng, phía ông L và phía ông Đ và bà T cùng thống nhất là vào ngày 06/10/2011 âl ông L có tham gia dây hụi do ông Đ, bà T làm đầu thảo, dây hụi mùa bốn tháng khui một lần, dây hụi gồm có 12 phần, mỗi một phần hụi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông L tham gia 01

phần trong dây hụi này, hoa hồng đầu thảo mỗi lần khui là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, phía ông L trình bày là vào lần thứ 9 thì ông L kêu hốt 870.000đ, sau khi trừ hoa hồng đầu thảo thì số tiền ông L còn phải nhận là 29.190.000đ (Hai mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) nhưng phía ông Đ và bà T trình bày vào lần thứ 08 thì ông L kêu hốt 870.000đ, sau khi trừ hoa hồng đầu thảo thì ông L thực hốt số tiền là 28.320.000đ (Hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Phía bị đơn cho rằng chỉ còn nợ dây hụi này đối với nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận sự việc này. Do đó, này (Dây hụi 3.000.000 đồng thuộc dây số 3) ông Đ, bà T còn nợ lại ông L số tiền 28.320.000 đồng – 9.000.000 đồng (03 lần hụi chết) = 19.320.000 đồng.

-[2.2] Trong dây hụi thứ 02, mở hụi vào ngày 06/10/2011 âl thì phía nguyên đơn ông L tham gia 01 phần hụi tên là Tư Bọng, tuy nhiên phía bị đơn là ông Đ và bà T trình bày rằng ông L tham gia 02 phần hụi là Tư Bọng và Tư Bọng Hí. Căn cứ vào danh sách hụi do 02 bên cung cấp cho Tòa án xác định phần hụi Tư Bọng Hí kêu hốt lần đầu tiên với số tiền kêu hốt là 1.400.000đ, sau khi trừ hoa hồng đầu thảo thì ông L hốt được số tiền là 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Theo lời trình bày của ông Đ và bà T là sau khi ông L hốt hụi thì có đóng lại 02 phần hụi chết, hiện còn nợ lại 9 lần hụi chết với số tiền là 27.000.000 đồng.

Đối với phần hụi Tư Bọng thì phía nguyên đơn là ông Lợi trình bày là đóng được 08 lần hụi sống, tuy nhiên phía bị đơn là ông Đằng và bà Tuyến trình bày là đóng được 07 lần hụi sống.

Như vậy, trong dây số thứ 02, mở hụi vào ngày 06/10/2011 âl (3.000.000 đồng), phía ông L còn nợ lại ông Đ và bà T số tiền là 27.000.000 đồng – 21.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

-[2.3] Trong dây hụi thứ 3 (Dây số 5 mở hụi ngày 20/02/2011 âl) thì phía ông L trình bày là đã đóng được 10 lần hụi sống tuy nhiên phía ông bị đơn trình bày là đóng được 9 lần hụi sống và chỉ đồng ý trả số tiền nợ hụi 5.000.000 đồng. Sự việc này không được phía nguyên đơn đồng ý và phía bị đơn ông Đ cũng thừa nhận đã nhận 9 lần đóng hụi của nguyên đơn. Do đó, dây hụi thứ 3 (Dây số 5, hụi 1.000.000 đồng, mở hụi ngày 20/02/2011 âl) ông Đ và bà T có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 9.000.000

-[2.4] Trong dây hụi thứ 4 (Dây số 2 mở ngày 25/6/2010 âl) thì phía ông L trình bày là hụi khui lần thứ 3 thì bà H kêu hốt hụi do ông L bán hụi cho bà H và sau đó ông L thừa nhận trách nhiệm đối với dây hụi này. Đồng thời phía ông L trình bày là đã đóng hụi chết cho ông Đ và bà T được 9 lần, hiện còn lại 3 lần chưa đóng với số tiền là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía ông Đ và bà T trình bày là sau khi hốt hụi lần thứ 3 thì ông L chỉ đóng được 02 lần hụi chết, hiện còn nợ lại 10 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 20.000.000 đồng. Vấn đề này cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Mặc khác trong dây này thì trong danh sách hụi do ông L cung cấp cho Tòa án có xác nhận của ông Đ là hiện dây hụi thuộc dây số 2 mở ngày 25/6/2010 âl thì còn 03 lần. Tuy nhiên phía ông Đ và bà

T cho rằng danh sách hụi còn 03 lần hụi mà ông L là của hụi viên khác nhưng ông Đ và bà T nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh. Do vậy, ông L có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà T số tiền của 03 lần hụi chết còn lại là 6.000.000 đồng.

Xét thấy các dây trên giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất với về số lần kêu hụi và số tiền mà phía nguyên đơn đã đóng cho bị đơn, ông C. T. L là nguyên đơn nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía bị đơn không thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn. Mặc khác tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn ông Đ trình bày vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 34.000.000 đồng nhưng khi tính toán lại thì phía nguyên đơn vẫn còn nợ tiền hụi chưa đóng cho bị đơn là 54.000.000 đồng. Nhưng việc tính toán này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó cấp sơ thẩm xét xử buộc phía bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 16.320.000 đồng là có căn cứ và cũng theo lời khai theo lời thừa nhận nợ của phía bị đơn tại phiên tòa.

Từ những phân tích trên nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T. Buộc phía ông Đ và bà T có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi cho phía ông L số tiền là: (19.320.000 đồng + 9.000.000 đồng) - (6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng) = 16.320.000 đồng.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông C. T. L. Buộc phía ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi cho phía ông C.T. L với số tiền là 16.320.000[đ] (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T có ông Ng. V. Đ làm đại diện theo ủy quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc ông C. T. L nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.593.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.354.750 đồng theo biên lai thu số 028717 ngày 14/7/2015 nên ông L còn phải nộp tiếp số tiền 238.750 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

+ Buộc ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.466.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.399.000 đồng theo biên lai thu số 028718 ngày 14/7/2015 nên hoàn trả cho ông Đ. và bà T số tiền 1.933.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Án phí phúc thẩm: Buộc ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T mỗi người nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011562 và 0011563 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Ông Ng. V. Đ và bà Đ. K. T không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01;*
- *VKSNDTVL: 02;*
- *TNV: 01;*
- *TAND h Tam Bình: 01;*
- *Chi Cục THADS h Tam Bình: 01;*
- *Các Đ/s: 2 ;*
- *Lưu: 04.*

Vương Minh Tâm